

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN BÀN  
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày: 22/8/2022

V/v: “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Lụa;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Hoàng Văn Thứ  
2/ Bà Vi Thị Loan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Mới- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2022/TLST- DS ngày 12/4/2022, Về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-DS ngày 19/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐ- TA ngày 05/8/2022, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn L, xã LPh, huyện VB, tỉnh LC. Có mặt.

Bị đơn: Bà Lò Thị Ph, sinh năm 1984.

Người nhận ủy quyền của bị đơn ông Lý Phúc T, sinh năm 1982 là bà Lò Thị Ph, sinh năm 1984. Điều có địa chỉ: Thôn Phú M, xã LPh, huyện VB, tỉnh LC. Vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị S, sinh năm 1977. Người nhận ủy quyền của bà Lương Thị S là ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1975. Điều có địa chỉ: Thôn L, xã LPh, huyện VB, tỉnh LC. Có mặt.

Người làm chứng: Anh Lý Quý Th, sinh năm 1998; anh Triệu Văn T; bà Triệu Thị T, sinh năm 1980; bà Lý Thị M, sinh năm 1989; ông Lý Phúc Chu, sinh năm 1982; anh Lý Tồn Ú, sinh năm 1998; ông Triệu Trung Th, sinh năm 1981. Điều có địa chỉ: Thôn Phú Mậu, xã LPh, huyện VB, tỉnh LC. Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Về yêu cầu buộc bà Lò Thị Ph và ông Lý Phúc T phải bồi thường thiệt hại tài sản cho nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị S:*

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai, phiên hòa giải ngày 13/9/2018 trong vụ án thụ lý số 04/2018/TLST–DS ngày 29/6/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/10/2018, bản tự khai ngày 20/4/2022, lời khai ngày 30/6/2022, phiên hòa giải ngày 11/7/2022 và tại phiên tòa hôm nay của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị S (viết tắt là hộ ông H) trình bày: Tháng 6/2018, hộ ông H khởi kiện tranh chấp quyền sở hữu tài sản đối với bà Lò Thị Ph và ông Lý Phúc T (viết tắt là hộ bà Ph). Quá trình tham gia tố tụng hộ ông H và hộ bà Ph đã tự xác định thống nhất con trâu có giá trị là 25.000.000đ. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án không xác định tuyên giá trị con trâu thì đến ngày 20/9/2020 con trâu bị chết nên không có căn cứ buộc hộ bà Ph phải bồi thường thiệt hại cho hộ ông H. Nay hộ ông H Khởi kiện tại vụ án thụ lý số 03/2022/TLST- DS ngày 12/4/2022, đề nghị buộc bà Lò Thị Ph và ông Lý Phúc T phải liên đới bồi thường thiệt hại giá trị con trâu đã được tuyên tại bản án số 02/2018/DS- ST ngày 30/10/2018 và theo quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn bồi thường trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị S số tiền là 25.000.000đ.

Tại bản tự khai, lời khai, phiên hòa giải ngày 13/9/2018, bản tự khai, lời khai ngày 31/5/2022, phiên hòa giải ngày 11/7/2022 của bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Phúc T trình bày: Tháng 6/2018 bà Ph và ông T tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ khởi kiện tranh chấp quyền sở hữu tài sản thụ lý số 04/2018/TLST –DS ngày 29/6/2018, hộ bà Ph có quan điểm về con trâu tranh chấp là trâu đực có nguồn gốc do con trâu mẹ của hộ bà sinh ra vào tháng 8/2013, đều xác định không thay đổi giá trị con trâu thống nhất, nhất trí con trâu tranh chấp với hộ ông H có giá trị là 25.000.000đ.

Kể từ ngày bản số 02/2018/DS- ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn có hiệu lực pháp luật hộ bà Ph không giao trâu cho hộ ông H đến ngày 20/9/2020 con trâu đã chết. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án không xác định giá trị con trâu nên không có căn cứ buộc hộ bà Ph phải bồi thường thiệt hại sau khi con trâu chết. Nay hộ bà Ph nhất trí bồi thường thiệt hại về tài sản giá trị con trâu đã được tuyên tại bản án số 02/2018/DS- ST ngày 30/10/2018 và theo quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn bồi thường trả cho ông Nguyễn Mạnh H và bà Lương Thị S số tiền là 25.000.000đ với điều kiện hộ ông H phải bồi thường tiền công chăn thả trâu cho hộ bà Ph số tiền là 96.000.000đ.

*Về yêu cầu buộc ông Nguyễn Mạnh H và bà Lương Thị S trả tiền công chăn thả trâu từ ngày 21/01/2018 đến ngày 20/9/2020 cho hộ bà Lò Thị Ph:*

Tại lời khai ngày 31/5/2022, đơn đề nghị ngày 20/6/2022 hộ bà Lò Thị Ph trình bày, có yêu cầu: Buộc hộ ông H phải liên đới trả tiền công chăn thả con trâu tranh chấp tính từ ngày 21/01/2018 là “ngày con trâu đang ở trên đồi, tôi đã đuổi con trâu này về nH, về nH tôi đã chọc (sân) sọc và chăn dắt, nuôi dưỡng trâu” đến ngày 20/9/2020 con trâu bị chết là 32 tháng. Do vậy, bà Ph yêu cầu buộc hộ ông H phải trả tiền công chăn thả trâu cho hộ bà Ph mỗi ngày 100.000đ/ngày x30

ngày/tháng x 32 tháng = 96.000.000đ. Tuy nhiên, hộ bà Ph không nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Hộ bà Ph cho rằng ông H khởi kiện thì hộ ông H phải nộp tiền tạm ứng án phí cho khoản yêu cầu trả tiền công chăn thả trâu của hộ bà Ph. Ngoài ra, hộ bà Ph không có yêu cầu gì khác.

Tại lời khai ngày 30/6/2022 và tại phiên tòa hôm nay ông H, người được ủy quyền của bà S trình bày, có ý kiến về yêu cầu buộc hộ ông H trả tiền công chăn thả trâu tính từ ngày 21/01/2018 đến ngày 20/9/2020 cho hộ bà Ph với mức 100.000đ/ngày x 30 ngày/tháng x 32 tháng = 96.000.000đ. Hộ ông H không nhất trí với yêu cầu của hộ bà Ph, bởi: Từ ngày 21/01/2018 hộ bà Ph bắt đầu nuôi trâu của hộ ông H khi đang ở trên đồi về chóc sẹ (sấn sẹ) để chăn thả thì đến ngày 15/02/2018 hộ ông H đến nhận con trâu. Tuy nhiên, hộ bà Ph nhất quyết không giao trả trâu từ trước, trong và ngày bản án được tuyên đã có hiệu lực pháp luật tính đến ngày 20/9/2020 con trâu bị chết là 01 năm 11 tháng hộ bà Ph không chấp hành bản án. Do vậy yêu cầu của hộ bà Ph không có căn cứ. Đề nghị bác yêu cầu này của hộ bà Ph.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ Tòa đã thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án thụ lý số 04/TLST – DS ngày 29/6/2018 và hồ sơ vụ án thụ lý số 03/2022/TLST- DS ngày 12/4/2022, Về yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, thu thập được:

Lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại bút lục số 48 đến số 55; Bản hòa giải không thành ngày 13/9/2019 giữa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại bút lục số 113- 115 và tại bút số 124 đến số 136 của phiên tòa sơ thẩm và bản án 02/2018/DS- ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn thì nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có quan điểm xác định: “Giá trị con trâu tranh chấp là 25.000.000đ”.

Tại biên bản xác minh ngày 30/5/2022 với chính quyền địa phương nơi nguyên đơn, bị đơn cư trú, sinh sống và làm việc hiện tại; lời khai ngày 25/5/2022 của người làm chứng ông Lý Phúc Chu, ông Lý Lá Tả xác nhận: “Lúc con trâu này chết, hai gia đình đều tính giá trị con trâu tranh chấp là 25.000.000đ; Tôi chưa nghe thấy việc vợ chồng chị Ph trả con trâu tranh chấp này cho cơ quan thi hành án Dân sự huyện Văn Bàn và cho hộ ông H mà do ông H, Cơ quan này không nhận trâu”.

Tại phiên Tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn có ý kiến:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ Điều 13, Điều 164, Điều 170, Điều 584, Điều 585 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H: Buộc bà Lò Thị Ph và ông Lý Phúc T phải liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H và bà Lương Thị S giá trị con trâu tại bản án số 02/2018/DS- ST ngày 30/10/2018 và theo quyết định số 01/2018/QĐ-SCBSBA- DS ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn về việc sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm là 25.000.000đ(Hai mươi năm triệu đồng).

Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Mạnh H, người nhận ủy quyền của bà Lương Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết buộc bồi thường thiệt hại về tài sản đối với bà Lò Thị Ph và ông Lý Phúc T. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 6, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 13, Điều 164; Điều 166, Điều 170, Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn, Người nhận ủy quyền của bị đơn ông Lý Phúc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án T Hnh xét xử vắng mặt đương sự tại phiên tòa.

[3] Về chấp Hnh pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền nghĩa vụ theo Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện quyền nghĩa vụ theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung khởi kiện:

*Yêu cầu buộc bà Lò Thị Ph và ông Lý Phúc T phải bồi thường thiệt hại về tài sản là giá trị con trâu cho nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị S*

Căn cứ tại bản kết luận giám định số 383/CNSH ngày 06/9/2018 của Viện công nghệ sinh học Việt Nam; ý kiến - quan điểm của các đương sự trong quá trình tham gia tố tụng tại hồ sơ vụ án thụ lý số 04/2018/TLST- DS ngày 29/6/2018 và hồ sơ vụ án thụ lý số 03/2022/TLST- DS ngày 12/4/2022 thì giữa hộ ông H và hộ bà Ph đều xác định tài sản tranh chấp là con trâu đực có nguồn gốc, đặc điểm đã nêu như tại bản án số 02/2018/DS- ST ngày 30/10/2018 và quyết định số 01/2018/QĐ-SCBSBA- DS ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn về việc sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm đều thỏa thuận, thống nhất con trâu tranh chấp có giá trị là 25.000.000đ. Xét thấy, hộ ông H yêu cầu hộ bà Ph phải liên bồi thường thiệt hại giá trị con trâu thuộc quyền sở hữu tài sản từ người chiếm hữu không có căn cứ đã được tuyên tại bản án số 02/2018/DS- ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 13, Điều 164; Điều 166,

Điều 170, Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của hộ ông Nguyễn Mạnh H là có căn cứ.

Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị S.

[6] Đối với yêu cầu trả tiền công chăn thả trâu từ ngày 21/01/2018 đến ngày 20/9/2020 của hộ bà Lò Thị Ph: Hộ bà Ph và hộ ông H đều công nhận ngày 21/01/2018 con trâu đang ở trên đồi, hộ bà Ph đã tự đuổi con trâu này về nH để chọc sọc (sấn sọc) và chăn thả trâu đến ngày 15/02/2018 hộ ông H phát hiện con trâu hộ bà Ph sấn sọc trắng là trâu của ông H, Hộ ông H gấp trao đổi thì hộ bà Ph cương quyết không trả, kết quả giải quyết thì hộ bà Ph phải trả con trâu có đặc điểm nêu trên cho hộ ông H, nhưng hộ bà Ph không thi Hnh mà tiếp tục chăn thả tính đến ngày 20/9/2020 con trâu bị chết là 32 tháng. Quá trình giải quyết vụ án hộ bà Ph đã được Tòa giải thích các quy định của pháp luật liên quan đến việc hộ bà Ph yêu cầu trả tiền công chăn thả trâu thông qua quá trình hộ bà Ph tham gia tố tụng để hộ bà Ph biết liên hệ đến quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải hộ bà Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị, buộc ông H và bà S liên đới trả tiền công chăn thả trâu từ ngày 21/01/2018 đến ngày 20/9/2020 cho hộ bà Ph với mức  $100.000\text{đ}/\text{ngày} \times 30 \text{ ngày}/\text{tháng} \times 32 \text{ tháng} = 96.000.000\text{đ}$ . Tòa án đã tiếp nhận yêu cầu trả tiền công chăn thả trâu của hộ bà Ph và thông báo cho hộ bà Ph nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Tuy nhiên, hộ bà Ph không nộp tiền tạm ứng án phí. Gia đình hộ bà Ph không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo của xã Liêm Phú nên không thuộc trường hợp được miễn, giảm nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Hết thời hạn, Tòa án đã thông báo số 02/2022/TB- TA ngày 04/7/2022 về việc không T Hnh thụ lý ý kiến, yêu cầu của hộ bà Lò Thị Ph về yêu cầu buộc ông H và bà S phải trả tiền công chăn thả trâu. Do vậy, hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn là phù hợp.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Lò Thị Ph, ông Lý Phúc T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 13; Điều Điều134; Điều135; Điều 138; Điều 164 , Điều 166, Điều 170, Điều 357, Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự; khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 144; Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 27; khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Buộc bà Lò Thị Ph và ông Lý Phúc T phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Mạnh H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị S tổng số tiền 25.000.000đ (hai mươi năm triệu đồng).

*Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật( đối với các trường hợp cơ quan thi Hành án có quyền chủ động ra quyết định thi Hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hành án của người được thi Hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hành án) cho đến khi thi Hành xong, bên phải thi Hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lò Thị Ph và ông Lý Phúc phải có nghĩa vụ liên đới chịu 1. 250.000đ (Một triệu, hai trăm, năm mươi nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho cho nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 625.000đ ( Sáu trăm hai mươi năm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004287 ngày 08/4/2022 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh (01);
- VKSND tỉnh; huyện (02);
- Các đương sự (04);
- THADS TP;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Lụa**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**





Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, bản lời khai, phiên hòa giải ngày 13/9/2018 của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị S (viết tắt là hộ ông H) trình bày: Tháng 6/2018, hộ ông H khởi kiện tranh chấp quyền sở hữu tài sản đối với bà Lò Thị Ph và ông Lý Phúc T (viết tắt là hộ bà Ph). Quá trình tham gia tố tụng trong vụ án thụ lý số 04/2018/TLST –DS ngày 29/6/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/10/2018 hộ ông H và hộ bà Ph đã tự xác định thống nhất con trâu có giá trị là 25.000.000đ đến ngày 20/9/2020 con trâu bị chết. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án không xác định giá trị con trâu nên không có căn cứ buộc hộ bà Ph phải bồi thường thiệt hại cho hộ ông H. Nay hộ ông H Khởi kiện tại vụ án thụ lý số 03/2022/TLST- DS ngày 12/4/2022, bản tự khai ngày 20/4/2022, biên lấy lời khai ngày 30/6/2022, phiên hòa giải ngày 11/7/2022 và tại phiên tòa hôm nay, hộ ông H đề nghị buộc bà Lò Thị Ph và ông Lý Phúc T phải liên đới bồi thường thiệt hại giá trị con trâu đã được tuyên tại bản án số 02/2018/DS- ST ngày 30/10/2018 và theo quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn với số tiền phải bồi thường thiệt hại là 25.000.000đ.

Tại bản tự khai, bản lời khai, phiên hòa giải ngày 13/9/2018, bản tự khai, lời khai ngày 31/5/2022, phiên hòa giải ngày ngày 11/7/2022 của bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Phúc T trình bày: Tháng 6/2018 bà Ph và ông T tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ khởi kiện tranh chấp quyền sở hữu tài sản thụ lý số 04/2018/TLST –DS ngày 29/6/2018 và tại phiên tòa hộ bà Ph có quan điểm về

con trâu tranh chấp là trâu đực có nguồn gốc do con trâu mẹ của hộ bà sinh ra vào tháng 8/2013, đều xác định thống nhất, nhất trí con trâu tranh chấp với hộ ông H đã chết có giá trị là 25.000.000đ. Kể từ ngày bản số 02/2018/DS- ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn có hiệu lực pháp luật hộ bà Ph không giao trâu cho hộ ông H đến ngày 20/9/2020 con trâu đã chết. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án không xác định giá trị con trâu nên không có căn cứ buộc hộ bà Ph phải bồi thường sau khi con trâu chết. Nay hộ bà Ph nhất trí bồi thường thiệt hại về tài sản giá trị con trâu đã được tuyên tại bản án số 02/2018/DS- ST ngày 30/10/2018 và theo quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn cho hộ ông Nguyễn Mạnh H với số tiền phải bồi thường thiệt hại là 25.000.000đ với điều kiện hộ ông H phải bồi thường tiền công trần thả trâu cho hộ bà Ph số tiền là 96.000.000đ.

Về yêu cầu buộc ông Nguyễn Mạnh H và bà Lương Thị S trả tiền công chăn thả trâu từ ngày 21/01/2018 đến ngày 20/9/2020 cho hộ bà Lò Thị Ph:

Tại bản lấy lời khai ngày 31/5/2022, đơn đề nghị ngày 20/6/2022 và tại phiên tòa hôm nay hộ bà Lò Thị Ph trình bày, có yêu cầu: Buộc hộ ông H phải liên đới trả tiền công chăn thả con trâu tranh chấp tính từ ngày 21/01/2018 là “ngày con trâu đang ở trên đồi, tôi đã đuổi con trâu này về nH, về nH tôi đã chọc (sấn) sẹo và chẵn dất, nuôi dưỡng trâu” đến ngày 20/9/2020 con trâu bị chết là 32 tháng. Do vậy, bà Ph yêu cầu buộc hộ ông H phải trả tiền công chăn thả trâu cho hộ bà Ph mỗi ngày 100.000đ/ngày x 30 ngày/tháng x 32 tháng = 96.000.000đ. Tuy nhiên, hộ bà Ph không nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Hộ bà Ph cho rằng ông H khởi kiện thì hộ ông H phải nộp tiền tạm ứng án phí cho khoản yêu cầu trả tiền công chăn thả trâu của hộ bà Ph. Ngoài ra, hộ bà Ph không có yêu cầu gì khác.

Tại bản lời khai ngày 30/6/2022 và tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Mạnh H trình bày, có ý kiến về yêu cầu buộc hộ ông H trả tiền công chăn thả trâu tính từ ngày 21/01/2018 đến ngày 20/9/2020 cho hộ bà Ph với mức 100.000đ/ngày x 30 ngày/tháng x 32 tháng = 96.000.000đ. Hộ ông H không nhất trí với yêu cầu của hộ bà Ph, bởi: Từ ngày 21/01/2018 hộ bà Ph bắt đầu đuổi trâu của hộ ông H khi đang ở trên đồi về chọc sẹo (sấn sẹo) để chăn thả thì đến ngày 15/02/2018 hộ ông H đến nhận con trâu. Tuy nhiên, hộ bà Ph nhất quyết không giao trả trâu từ ngày bản án được tuyên đã có hiệu lực pháp luật tính đến ngày 20/9/2020 con trâu bị chết là 01 năm 11 tháng hộ bà Ph không chấp bản án. Do vậy yêu cầu của hộ bà Ph không có căn cứ. Đề nghị bác yêu cầu này của hộ bà Ph.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ Tòa đã thu thập được trong vụ án thụ lý số 04/TLST – DS ngày 29/6/2018 và hồ sơ vụ án thụ lý số 03/2022/TLST- DS ngày 12/4/2022, Về yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, thu thập được:

Lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại bút lục số 48 đến số 55 đều có quan điểm xác định: “Giá trị con trâu tranh chấp là 25.000.000đ”.

Tại biên bản hòa giải không thành ngày 13/9/2019 giữa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại bút lục số 113- 115 và tại bút số 124 đến

số 136 của phiên tòa sơ thẩm và bản án 02/2018/DS- ST ngày 30/10/2018 ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn thì nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có quan điểm xác định: “Giá trị con trâu tranh chấp là 25.000.000đ”.

Tại biên bản xác minh ngày 30/5/2022 với chính quyền địa phương nơi nguyên đơn, bị đơn cư trú, sinh sống và làm việc; lời khai ngày 25/5/2022 của người làm chứng ông Lý Phúc Chu, ông Lý Lá Tả xác nhận: “ Lúc con trâu này chết, hai gia đình đều tính giá trị con trâu tranh chấp là 25.000.000đ; Tôi chưa nghe thấy việc vợ chồng chị Ph trả con trâu tranh chấp này cho cơ quan thi Hình án Dân sự huyện Văn Bàn mà do Cơ quan này không nhận trâu”.

Tại phiên Tòa các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn có ý kiến:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ Điều 164 , Điều 166, Điều 170, Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H, người nhận ủy quyền của bà Lương Thị S.

Buộc bà Lò Thị Ph, người nhận ủy quyền của của bị đơn ông Lý Phúc T phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại giá trị con trâu tại bản án số 02/2018/DS- ST ngày 30/10/2018 và theo quyết định số 01/2018/QĐ-SCBSBA- DS ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn về việc sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm là 25.000.000đ( Hai mươi năm triệu đồng).

Đề nghị buộc bà Lò Thị Ph, người nhận ủy quyền của của bị đơn ông Lý Phúc T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Mạnh H, người nhận ủy quyền của bà Lương Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết “*Buộc bồi thường thiệt hại về tài sản*” với bà Lò Thị Ph, người nhận ủy quyền của của bị đơn ông Lý Phúc T. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 164 , Điều 166, Điều 170, Điều 584, **khoản 1 Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự.**

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về việc vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Kiều Thị Huế đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án T Hnh xét xử vắng mặt đương sự tại phiên tòa.

[4] Về chấp Hnh pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền nghĩa vụ theo Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện quyền nghĩa vụ theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung khởi kiện:

*Yêu cầu buộc bà Lò Thị Ph và ông Lý Phúc T phải bồi thường thiệt hại về tài sản là giá trị con trâu cho ông Nguyễn Mạnh H và bà Lương Thị S.*

Căn cứ tại bản kết luận giám định số số 383/CNSH ngày 06/9/2018 của Viện công nghệ sinh học Việt Nam; ý kiến - quan điểm của các đương sự trong quá trình tham gia tố tụng tại hồ sơ vụ án thụ lý số 04/2018/TLST- DS ngày 29/6/2018 và hồ sơ vụ án thụ lý số 03/2022/TLST- DS ngày 12/4/2022 thì giữa hộ ông H và hộ bà Ph đều xác định tài sản tranh chấp là con trâu đực có nguồn gốc do con trâu cái của hộ ông H sinh ra vào tháng 9/2013, có đặc điểm như tại bản án số 02/2018/DS-ST ngày 30/10/2018 và quyết định số 01/2018/QĐ-SCBSBA- DS ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn về việc sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm đều thỏa thuận, thống nhất con trâu tranh chấp có giá trị là 25.000.000đ. Xét thấy, hộ ông H yêu cầu hộ bà Ph phải liên bồi thường thiệt hại giá trị con trâu thuộc quyền sở hữu tài sản từ người chiếm hữu không có căn cứ đã được tuyên tại bản án số 02/2018/DS- ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 166, Điều 170, Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của hộ ông Nguyễn Mạnh H là có căn cứ.

Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người nhận được ủy quyền của bà Lương Thị S.

[6] Đối với yêu cầu trả tiền công chăn dắt trâu từ ngày 21/01/2018 đến ngày 20/9/2020 của hộ bà Lò Thị Ph: Hộ bà Ph và hộ ông H đều công nhận ngày 21/01/2018 con trâu đang ở trên đồi, hộ bà Ph đã tự đuổi con trâu này về nH để chọc sọc (sấn sọc) và chăn thả trâu đến ngày 15/02/2018 ông H phát hiện con trâu hộ bà Ph sấn sọc trần thả là trâu của ông H, Hộ ông H gặp trao đổi thì hộ bà Ph cương quyết không trả, bắt đầu phát sinh tranh chấp, kết quả giải quyết thì hộ bà Ph phải trả con trâu có đặc điểm nêu trên cho hộ ông H, nhưng hộ bà Ph không thi Hnh mà tiếp tục chăn thả tính đến ngày 20/9/2020 con trâu bị chết là 32 tháng. Quá trình giải quyết vụ án hộ bà Ph đã được Tòa giải thích các quy định của pháp luật liên quan đến việc hộ bà Ph yêu cầu trả tiền công chăn thả trâu thông qua quá trình hộ bà Ph tham gia tố tụng để hộ bà Ph biết liên hệ đến quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, hộ bà Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị, buộc hộ ông H liên đới trả tiền công chăn thả trâu từ ngày 21/01/2018 đến

ngày 20/9/2020 cho hộ bà Ph với mức 100.000đ/ngày x 30 ngày/tháng x 32 tháng = 96.000.000đ. Tòa án đã tiếp nhận yêu cầu trả tiền công chăn thả trâu của hộ bà Ph và thông báo cho hộ bà Ph nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Tuy nhiên, hộ bà Ph không nộp tiền tạm ứng án phí. Hết thời hạn, Tòa án đã thông báo số 02/2022/TB- TA ngày 04/7/2022 về việc không T Hnh thụ lý ý kiến, yêu cầu của hộ bà Lò Thị Ph về yêu cầu buộc hộ ông H phải trả tiền công chăn thả trâu. Do vậy, hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn là phù hợp.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Lò Thị Ph. Người nhận ủy quyền của bị đơn ông Lý Phúc T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn, người nhận ủy quyền bà Lương Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên.

### QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 134; Điều 135; Điều 138; Điều 13, Điều 164, Điều 166, Điều 170, Điều 357, Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 144; Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 27; khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Lò Thị Ph, người nhận ủy quyền của bị đơn ông Lý Phúc T phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H, người đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị S tổng số tiền 25.000.000đ (hai mươi năm triệu đồng).

*Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi Hnh án có quyền chủ động ra quyết định thi Hnh án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hnh án) cho đến khi thi Hnh xong, bên phải thi Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hnh án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lò Thị Ph, người nhận ủy quyền của bị đơn ông Lý Phúc phải có nghĩa vụ liên đới chịu 1. 250.000đ (Một triệu, hai trăm, năm mươi nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn, người nhận được ủy quyền của bà Lương Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 625.000đ ( Sáu trăm hai mươi năm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004287 ngày 08/4/2022 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh (01);
- VKSND tỉnh; huyện (02);
- Các đương sự (02);
- THADS TP;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Lụa**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nội nhân**

- TAND tỉnh Lào Cai(1);
- VKSND huyện Văn Bàn(2);
- Nguyên đơn ( 01).
- Bị đơn: ( 01).
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ( 01)
- THA Dân sự huyện Văn Bàn(1);
- UBND xã ( 1).
- Lưu VP. TAND huyện Văn Bàn( 02).
- L-u HS vụ án ( 02 ),

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Lụa**



**[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:**

**[2.1] Về nguồn gốc tài sản yêu cầu bồi thường:**

Nguyên đơn ông Lý Văn Hùng và bà Hoàng Thị Phán cho rằng: Năm 1992, nguyên đơn được ông Chung và ông Lý Văn Sính tặng cho 01 thửa đất có tổng diện tích khoảng 2.000m<sup>2</sup>(chưa có GCNQSDĐ) có địa chỉ tại thôn Nậm Bó, xã Làng Giàng, đến ngày 18/10/1999 đã được cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 190; tờ bản đồ số: SD02 theo Quyết định số 292 do UBND huyện Văn Bàn cấp. Đến năm 2008, 2009 theo chuẩn hóa hồ sơ địa chính cấp đổi, cấp lại GCNQSDĐ *ứng tHnh* thửa đất số: 52; tờ bản đồ số: 17 do UBND huyện Văn Bàn cấp đổi vào ngày 18/3/2014. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng, thửa đất đã được cấp theo quy định tại điều 166 luật đất đai.

Bị đơn ông Lý Văn Phòng và bà Chu Thị Điệp cho rằng: Năm 1995, được nhận tặng cho 01 thửa đất (nói bằng miệng), không xác định tứ cận, không vào sổ mục kê, không có sơ đồ địa chính, không từng sử dụng đất tại diện tích đất tranh chấp, không đăng ký kê khai sử dụng đất, chưa phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 166 luật đất đai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn Sính xác định: Về diện tích đất nằm trong thửa đất số 52, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thôn Nậm Bó, xã làng Giàng là do ông cha khai hoang mà có, đến năm Năm 1992, ông Chung chia đất cho ông Hùng sử dụng công khai thường xuyên liên tục, đã làm đúng quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất nên được cấp đất theo quy định tại điều 166 luật đất đai. Đến nay quyền lợi của ông không bị xâm phạm, ông không có yêu cầu gì khác.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/01/2022 xác định, diện tích tranh chấp cản trở là 2.106, 6 m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 52, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thôn Nậm Bó, xã Làng Giàng, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Hiện đã quy chủ cấp QSDĐ cho ông Lý Văn Hùng và bà Hoàng Thị Phán.

Căn cứ văn bản số 1994/UBND- NC ngày 29/12/2021 của UBND huyện Văn Bàn và văn bản số 09/UBND- VX ngày 18/01/2022 của UBND xã Làng Giàng, xác định: Ngày 18/10/1999, UBND huyện Văn Bàn, cấp thửa đất số 190, tờ bản đồ số SD 02 diện tích 2.000 m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất thôn Nậm Bó, xã Làng Giàng. Đến 2008



– 2009 theo dự án tổng thể trên địa bàn xã Làng Giàng cấp đổi lại GCNQSDĐ nên ngày 18/3/2014 UBND huyện Văn Bàn cấp đổi tHnh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 17 là diện tích 2.201.5m<sup>2</sup> đất; có sự chênh lệch về diện tích là do năm 1999 là đo đạc đất bằng thước dây, đến năm 2008 – 2009 đo đạc lại bằng máy toàn đạc điện tử thì có sự chênh lệch về diện tích. Tuy nhiên ranh giới, vị trí, địa chỉ thửa đất tại thôn Nậm Bó, xã Làng Giàng, huyện Văn Bàn cấp cho ông Phòng và bà Phán không thay đổi, đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào lời khai người làm chứng có đất liền kề, trưởng thôn Nậm Bó từ năm 1990 đến năm 2014, trưởng thôn Nậm Bó hiện nay và những công dân sống lâu năm gần diện tích đất tranh chấp do phía nguyên đơn và phía bị đơn cung cấp đều được nghe Tòa án giải thích quyền, nghĩa vụ của người làm chứng theo quy định tại Điều 77; Điều 78 của Bộ luật tố tụng Dân sự và người làm chứng cam đoan về lời khai và đều xác định: Đối với diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc do ông - cha của ông Hùng và ông Phòng (có chung cụ nội là ông Lý Văn CHi) khai hoang mà có. Sáu đó, ông CHi cho con trai là ông Lý Văn Chung, sử dụng. Đến năm 1992, ông Chung cho ông Hùng sử dụng và đã được cấp quyền sử dụng đất theo quy định. Trong quá trình sử dụng, cải tạo diện tích đất, và kê khai, đăng ký sử dụng đất đều không phát sinh tranh chấp gì tại địa phương đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 17. Mặc khác, hộ ông Phòng cũng có thửa số 53, tờ bản đồ số 17 và thửa số 21, tờ bản đồ số 22 liền kề với thửa đất tranh chấp số 52, tờ bản đồ số 17. Ngoài ra hộ ông Phòng còn có 01 ngôi nH gắn liền với đất thổ cư đối diện với thửa đất số 52 chỉ ngăn cách bởi con đường giao thông nông thôn. Hộ ông Hùng và hộ ông Phòng được cấp GCNQSDĐ cùng thời điểm nhưng hộ ông Phòng không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với thửa đất 52, tờ bản đồ số 17. Và ông Chung cũng xác nhận thửa đất số 52, tờ bản đồ số 17 là của ông Chung sử dụng, sau đó đến ông Hùng sử dụng thì bản thân ông không tranh chấp gì, ông cũng không ủy quyền cho ông Phòng thực hiện việc tranh chấp. Ông Chung xác nhận có được tặng cho đất cho ông Phòng đất nhưng là thửa đất liền kề, là thửa 53 và thửa đất số 21. Giữa các thửa đất này có ranh giới rõ ràng nên ông đề nghị đất của ai thì người đó tiếp tục sử dụng theo GCNQSDĐ. Hộ ông Phòng cũng xác nhận hộ ông Hùng sử dụng đất từ khoảng năm 1993 đến tháng 3/2021 thì hộ ông Phòng mới có Hnh vi cản trở quyền sử dụng đất với hộ ông Hùng, bà Phán.

### [3.2] Về quá trình sử dụng đất:

Năm 1992, ông Hùng, bà Phán sử dụng thửa đất số 52 thường xuyên liên tục, công khai bằng cách trồng hoa màu, không xảy ra tranh chấp. Đến năm 1998, ông bà đã thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất là kê khai, đăng ký và được NH nước xem xét cấp GCNQSDĐ theo quy định. Đến ngày 18/10/1999 ông, bà được cấp thửa đất số 190, tờ bản đồ số SD 02 theo Quyết định số 292 của UBND huyện Văn Bàn. Đến năm 2008, 2009 theo chuẩn hóa hồ sơ địa chính thì cấp đổi lại từ thửa đất số 190; tờ bản đồ số: SD02 ứng tHnh thửa đất số: 52; tờ bản đồ số: 17; địa chỉ thửa đất tại thôn Nậm Bó, xã Làng Giàng, huyện Văn Bàn do UBND huyện Văn Bàn cấp đổi vào ngày 18/3/2014 cho ông Hùng, bà Phán. Ngoài ra, người làm chứng

và chính phía bị đơn có đất liền kề với thửa đất tranh chấp và cơ quan chức năng đều xác nhận: Quá trình ông Hùng, bà Phán sử dụng đất và kê khai, đăng ký sử dụng đất không ai có ý kiến hoặc khiếu nại và những người làm chứng sống tại thôn Nậm Bó đều xác nhận phía ông Hùng, bà Phán sử dụng đất từ năm 1992 đến tháng 03/2021 là khoảng 29 năm bắt đầu bị ông Phòng, bà Điệp có Hnh vi cản trở quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 52. Xét, lời khai của nguyên đơn, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ cho thấy việc ông Hùng, bà Phán sử dụng thửa đất số 52 là thường xuyên, liên tục, công khai được nH nước công nhận đến thời điểm bị cản trở quyền sử dụng đất là khoảng 29 năm.

Vì vậy, ông Lý Văn Hùng, bà Hoàng Thị Phán có quyền sử dụng đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 17 tại thôn Nậm Bó, xã Làng Giàng, huyện Văn Bàn là không trái với qui định của pháp luật về quyền sử dụng đất và không ai có quyền ngăn cản.

Đối với ông Lý Văn Phòng và bà Chu Thị Điệp từ trước đến nay không sử dụng đất, không kê khai đăng ký sử dụng đất, không có sơ đồ địa chính và không vào sổ mục kê thửa đất số 52, tờ bản đồ số 17, không có Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất, không được NH nước thừa nhận quyền sử dụng đất. Quá trình tham gia tố tụng, không cung cấp được chứng cứ, chứng minh mình có quyền sử dụng đất. Ông bà cũng thừa nhận thửa đất số 52, tờ bản đồ số 17 vẫn do hộ ông Hùng sử dụng công khai, ổn định cho đến hết năm 2020. Theo lời khai của ông Phòng, bà Điệp, người làm chứng và xác nhận của chính quyền địa phương xác định trước, trong cùng thời điểm cấp quyền sử dụng thửa số 52 cho hộ ông Hùng thì hộ ông, bà cũng được cấp thửa 53 và thửa 21 liền kề với thửa 52. Hng năm ông bà vẫn và đang canh tác hai thửa đất này có ranh giới liền kề với thửa đất số 52. Ông, bà sinh sống tại địa phương và ngôi nH ông bà đang sống có vị trí đối diện với diện tích đất có Hnh vi cản trở, trước, trong và hiện tại ông, bà không đi đâu khỏi địa phương **nên buộc ông Phòng và bà Điệp phải biết** việc ông Hùng, bà Phán sử dụng đất và làm nghĩa vụ của công dân đối với nH nước. Ông, bà cũng công nhận chỉ đến ngày 01/3/2021 đến nay thửa đất số 52 bị ông bà có Hnh vi cản trở bỏ không, không có trồng cây gì.

Do đó, việc ông Phòng, bà Điệp có Hnh vi cản trở, ngăn cản không cho ông Hùng, bà Phán được canh tác, trồng trọt trên diện tích đất nêu trên là trái pháp luật, cần phải buộc ông Lý Văn Phòng, bà Chu Thị Điệp phải chấm dứt Hnh vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 169 Bộ luật dân sự.

[3.3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Lý Văn Hùng và bà Hoàng Thị Phán được Ủy ban nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai cấp GCNQSDĐ số CH 01827 ngày 18/3/2014 đối thửa đất số: 52; tờ bản đồ số: 17, diện tích 2201.5m<sup>2</sup> tại thôn Nậm Bó, xã Làng Giàng, huyện Văn Bàn. Nguồn gốc thửa đất do ông cha khai hoang tặng cho từ cha ruột là ông Lý Văn Chung và được UBND huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai cấp GCNQSDĐ. Ông Hùng, bà Phán đã đến thửa đất của mình để thực hiện quyền sử dụng đất thì ông Phòng và bà Điệp có Hnh vi cản trở quyền sử dụng đất của ông, bà tại thửa đất nói trên. Tại phiên Tòa các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Lý Văn

Phòng và bà Chu Thị Diệp phải chấm dứt Hnh vi cản trở quyền sử dụng đối thừa đất số: 52; tờ bản đồ số: 17, diện tích 2.106, 6 m<sup>2</sup>(theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/01/2022).

Quá trình nguyên đơn sử dụng đất thường xuyên, liên tục từ năm 1992 không có tranh chấp, đã thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất là kê khai, đăng ký sử dụng đất và được UBND huyện Văn Bàn cấp GCNQSDĐ đứng tên ông bà. Do vậy, ông Hùng và bà Phán đã có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ sử dụng thừa đất số 52 theo quy định tại Điều 166 Luật đất đai.

Việc ông Phòng và bà Diệp đã có Hnh vi cản trở và có nhiều Hnh vi khác ngăn cản không cho ông Hùng, bà Phán thực hiện quyền sử dụng đất hợp pháp là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hùng, bà Phán được quy định tại Điều 12 luật đất đai. Ngoài ra tại công văn trả lời và các tài liệu chứng cứ do Ủy ban nhân dân xã Làng Giàng T Hnh xem xét thẩm định và T Hnh hòa giải để ông Hùng, bà Phán thực hiện quyền của mình. Tuy nhiên ông Phòng, bà Diệp không nhất trí và cho rằng thừa đất số 52 là của mình nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì, ngoài lời khai của ông Phòng, bà Diệp nói ông Lý Văn Sính trả đất nhưng đều bị ông Sính bác bỏ nội dung này. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Lý Văn Phòng và bà Chu Thị Diệp phải chấm dứt Hnh vi cản trở quyền sử dụng của ông Lý Văn Hùng và bà Hoàng Thị Phán tại thừa đất số 52, tờ bản đồ số 17 diện tích 2.106,6 m<sup>2</sup> theo GCNQSDĐ CH 01827 do UBND huyện Văn Bàn cấp ngày 18/3/2014 là có sở chấp nhận và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 169 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Đối với diện tích đất cấp tại thừa đất số 52, tờ bản đồ số 17 của ông Hùng, bà Phán và thừa đất ông Phòng, bà Diệp có Hnh vi cản trở quyền sử dụng đất nằm trong ranh giới thừa đất số 52, tờ bản đồ số 17 có kết quả đo đạc ngoài thực địa là 2.106, 6 m<sup>2</sup>, diện tích này có sự chênh lệch không đáng kể so với diện tích thừa đất số 52, tờ bản đồ số 17 theo GCNQSDĐ là 2201.5m<sup>2</sup>. Nguyên nhân có sự chênh lệch này là do nguyên đơn đã hiến đất làm đường là 56,78 m<sup>2</sup> và có 38,12 m<sup>2</sup> nằm trong ranh giới cấp GCNQSDĐ thừa đất số 52, tờ bản đồ số 17 nhưng bị các hộ giáp ranh (Lý Văn Phòng, Lý Văn Mao) đang sử dụng. Do phía nguyên đơn chỉ đề nghị Tòa án giải quyết theo ranh giới sử dụng đất thực tế nằm trong ranh giới cấp của thừa đất số 52, tờ bản đồ số 17 theo kết quả thẩm định là 2.106, 6 m<sup>2</sup>. Vì vậy, Tòa án chỉ xem xét diện tích 2.106, 6 m<sup>2</sup> nằm trong ranh giới cấp GCNQSDĐ đất số 52, tờ bản đồ số 17 là có căn cứ.

[5] Về diện tích 38,6 m<sup>2</sup> nằm ngoài ranh giới thừa đất số 52, tờ bản đồ số 17 gồm có:

Đối với 29,8 m<sup>2</sup> nằm thuộc thừa đất số 21, tờ bản đồ số 22 và 5,9 m<sup>2</sup> thuộc thừa đất số 53, tờ bản đồ số 17 hộ ông Hùng sử dụng, đã được quy chủ cho hộ Lý Văn Phòng. Nay ông Phòng, bà Diệp và ông Hùng, bà Phán không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử ông đề cập vấn đề giải quyết.

Đối với 2,9 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 17 hộ ông Hùng sử dụng đã được quy chủ cho hộ Hoàng Văn Hảo. Ông Hảo và bà Miêu, ông Hùng, bà Phán không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

[6] Về diện tích 94, 9m<sup>2</sup> nằm trong ranh giới thửa đất số 52, tờ bản đồ số 17 gồm:

Đối với 56,78 m<sup>2</sup> do nguyên đơn hiến đất làm đường. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

Đối với 37,3 m<sup>2</sup> hộ ông Phòng sử dụng đã quy chủ cho hộ ông Lý Văn Hùng. Nay, ông Hùng, bà Phán và ông Phòng, bà Diệp không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

Đối với 0,82 m<sup>2</sup> hộ ông Mao sử dụng đã quy chủ cho hộ ông Lý Văn Hùng. Nay, ông Hùng, bà Phán và ông Mao, bà Hòa không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

Từ những căn cứ nêu trên, xác định diện tích 2.106, 6 m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 52, tờ bản đồ số 17 bị cản trở đã được cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho ông Lý Văn Hùng và bà Hoàng Thị Phán. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Hùng, bà Phán là có căn cứ nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hùng, bà Phán về việc yêu cầu buộc ông Lý Văn Phòng và bà Chu Thị Diệp chấm dứt Hnh vi cản trở quyền sử dụng 2.106, 6 m<sup>2</sup> đất nằm trong thửa đất số 52, tờ bản đồ số 17 tại thôn Năm Bó, xã Làng Giàng, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện văn Bàn là phù hợp.

[8] Về chi phí tố tụng, về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lý Văn Phòng và bà Chu Thị Diệp phải chịu toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm và tiền chi phí tố tụng. Ông Lý Văn Hùng và bà Hoàng Thị Phán không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm và tiền chi phí tố tụng.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 2, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 227; Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 169 của Bộ luật dân sự; Điều 12; khoản 16 Điều 3; Điều 166 luật đất đai; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn Hùng, bà Hoàng Thị Phán, về việc yêu cầu buộc ông Lý Văn Phòng, bà Chu Thị Diệp phải chấm dứt Hnh vi cản trở quyền sử dụng diện tích 2.106, 6 m<sup>2</sup> đất nằm trong thửa đất số 52, tờ bản đồ số 17; loại đất: đất trồng cây Hng năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nH ở và tài sản gắn liền trên đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 01827, số phát Hnh số BK 571204 (hạn sử dụng đất đến năm

2069), địa chỉ thửa đất tại thôn Nậm Bó, xã Làng Giàng, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai do UBND huyện Văn Bàn cấp ngày 18/3/2014 cho ông Lý Văn Hùng và bà Hoàng Thị Phán. (Chi tiết theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 27/01/2022 và có sơ đồ kèm theo, đây là phần không tách rời của bản án).

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bị đơn ông Lý Văn Phòng, bà Chu Thị Điệp phải liên đới hoàn trả cho nguyên đơn ông Lý Văn Hùng, bà Hoàng Thị Phán tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp tại Tòa án là 6.010.000đ (sáu triệu không trăm mười nghìn đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi Hành án xong, bên phải thi Hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Lý Văn Phòng, bà Chu Thị Điệp phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ. Nguyên đơn ông Lý Văn Hùng, bà Hoàng Thị Phán được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ theo biên lai số 0004210 ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

#### **Nơi nhân**

- TAND tỉnh Lào Cai(1);

#### **TÒA**

- VKSND huyện Văn Bàn(2);

- Nguyên đơn ( 02).

- Bị đơn ( 02).

- NCQLNVLQ (01)

- THA Dân sự huyện Văn Bàn(1);

- UBND xã (thị trấn) ( 1).

- Lưu VP. TAND huyện Văn Bàn( 02).

- Lu HS vụ án ( 02 ),

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

**Đỗ Thị Lụa**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Tại biên bản xác minh ngày 30/5/2022 với chính quyền địa phương nơi nguyên đơn, bị đơn cư trú, sinh sống và làm việc xác định: “Quá trình giải quyết tại địa phương thì hộ bà Ph và hộ ông H đều xác định con trâu tại thời điểm tranh chấp thống nhất là 25.000.000đ. Tuy nhiên, quá trình thi Hnh bản án số 02/2018/DS- ST ngày 30/10/2018 và theo quyết định số 01/2018/QĐ-SCBSBA- DS ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn về việc sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm thì hộ bà Ph không chấp Hnh giao trâu. Hiện con trâu tranh chấp đã chết ngày 20/9/2020 hộ bà Ph cũng không giao thịt con trâu này cho hộ ông H. Không có việc hộ bà Ph giao trâu mà cơ quan T Hnh tố tụng và hộ ông H không nhận con trâu. Nay hộ bà Ph yêu cầu hộ ông H phải trả tiền công chăn thả trâu cho hộ bà Ph thì hộ bà Ph thi Hnh trả tiền bồi thường giá trị con trâu tranh chấp như đã thống nhất tại hồ sơ vụ án thụ lý số 04/TLST – DS ngày 29/6/2018 nêu trên cho hộ ông H.

Lời khai ngày 25/5/2022 của người làm chứng ông Lý Phúc Chu, ông Lý Lá Tả xác nhận: “Lúc con trâu này chết, hai gia đình đều tính giá trị con trâu tranh chấp là 25.000.000đ; Tôi chưa nghe thấy việc vợ chồng chị Ph trả con trâu tranh chấp này cho cơ quan thi Hnh án Dân sự huyện Văn Bàn mà cho quan này không nhận trâu”.

. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, giữa hộ ông H và hộ bà Ph đã tự xác định giá trị con trâu tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, phiên hòa giải ngày 13/9/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/10/2018 đã xác định thống nhất con trâu nêu trên có giá trị là 25.000.000đ. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án không xác định giá trị con trâu nêu trên và trong quá trình bản án có hiệu lực pháp luật cơ quan thi hành án dân sự huyện Văn Bàn ban hành quyết định số 189/QĐ- CCTHADS ngày 21/02/2019 và thông báo thi hành án số 267/TB- CCTHADS. V/V thi hành án. Tuy nhiên, hộ bà Ph không thực hiện giao trả con trâu cho hộ ông H tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến ngày con trâu có đặc điểm nêu trên bị chết vào ngày 20/9/2020 là 01 năm 11 tháng 10 ngày, nay con trâu không còn, quyền lợi của hộ ông bị xâm phạm. Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, buộc bà Lò Thị Ph và ông Lý Phúc T phải liên đới bồi thường thiệt hại giá trị con trâu có đặc điểm đã tuyên trong bản án số bản án số 02/2018/DS- ST ngày 30/10/2018 và theo quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn cho tôi và bà Lương Thị S với số tiền là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng). Ngoài vấn đề trên, tôi không yêu cầu gì khác.

Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án không xác định giá trị con trâu nêu trên, nên ngày 21/02/2019 Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Bàn ban hành quyết định số 189/QĐ- CCTHADS thi hành án theo đơn yêu cầu và thông báo thi hành án số 267/TB- CCTHADS. V/V thi hành án, nhưng hộ bà Ph không thực hiện giao trả con trâu cho hộ ông H.

lông gia màu đen, có 04 khoáy, 02 khoáy ngang bên dưới 02 mắt, 02 khoáy 02 bên bả vai trước, trên sừng trâu ở 02 bên, cách mỗi gốc sừng khoảng 05 cm đến 06 cm đều có 01 vết lõm, trên sừng có đánh dấu X, 01 vết cắt mới hình chữ V ở giữa tai trái khi lấy mô giám định, các đương sự đều xác định có giá trị là 25.000.000đ là có căn cứ.

Tuy nhiên, hộ bà Ph nhất quyết không giao trả trâu. Xét thấy quyền lợi của ông H bị xâm phạm, hộ ông H khởi kiện, kết quả xét xử sơ thẩm được tuyên tại bản án số 02/2018/DS- ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn

. Xét thấy quyền lợi của ông H bị xâm phạm, hộ ông H khởi kiện, kết quả xét xử sơ thẩm được tuyên tại bản án số 02/2018/DS- ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn

Tòa án đã tiếp nhận yêu cầu trả tiền công chăn thả trâu của hộ bà Ph và thông báo cho hộ bà Ph nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Tuy nhiên, hộ bà Ph không nộp tiền tạm ứng án phí. Hết thời hạn, Tòa án thông báo số 02/2022/TB-TA ngày 04/7/2022 về việc không T Hnh thụ lý ý kiến yêu cầu của bà Lò Thị Ph.

với lý do như tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2022, đơn đề nghị ngày 20/6/2022 của hộ bà Ph buộc hộ ông H phải liên đới trả tiền công chăn thả trâu từ ngày 21/01/2018 là “ngày con trâu đang ở trên đồi, tôi đã đuổi con trâu này về nH, về nH tôi đã chọc ( sấn) sọc và chẵn đất,nuôi dưỡng trâu”. Đến ngày 15/02/2018 ông H “đến nH tôi nhận con trâu này” bắt đầu phát sinh tranh chấp, kết quả giải quyết thì hộ bà Ph phải trả con trâu có đặc điểm nêu trên cho hộ ông H, nhưng hộ bà Ph không thi Hnh mà tiếp tục chăn thả tính đến ngày 20/9/2020 con trâu bị chết là 36 tháng. Do vậy bà Ph yêu cầu buộc hộ ông H phải trả tiền công chăn thả trâu cho hộ bà Ph mỗi ngày 100.000đ/ngày x 36 tháng = 96.000.000đ. Tòa án đã tiếp nhận yêu cầu trả tiền công chăn thả trâu của hộ bà Ph và thông báo cho hộ bà Ph nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Tuy nhiên, hộ bà Ph không nộp tiền tạm ứng án phí. Hết thời hạn, Tòa án thông báo số 02/2022/TB- TA ngày 04/7/2022 về việc không T Hnh thụ lý ý kiến yêu cầu của bà Lò Thị Ph.



xong

Để tham khảo

đối với thửa đất số 52 đã được nH mức cấp cho hộ anh Hùng. Mặc khác hộ anh Phòng có 02 thửa đất liền kề với thửa đất số 52 mốc giới vẫn nguyên vẹn, đối diện với thửa đất cản trở hộ anh Phòng còn có nH gắn liền với đất thổ cư và từ trước đến nay hộ anh Phòng không đi đâu khỏi địa phương nên không thể không biết thửa đất số 52 của mình mà không kê khai để được cấp QSDĐ.

